

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~094~~2019/TB-ACM

Bắc Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA UBCKNN VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty:                                      **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**  
Trụ sở chính:                              Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại:                                  0204 222 6669                              Fax: 0204 222 6669  
Mã chứng khoán:                          ACM  
Người công bố thông tin:              Vũ Thị Thu Hiền  
Loại thông tin công bố:                  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Bộ báo cáo tài chính Tổng hợp và Báo cáo tài chính Văn Phòng Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường năm 2018 sau kiểm toán.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2019 tại Website: [acuonggroup.vn](http://acuonggroup.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Vũ Thị Thu Hiền**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tháng 03 năm 2019

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6-7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10-28



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 048157 ngày 15 tháng 02 năm 1996 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 06 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16 tháng 09 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

Văn phòng giao dịch: Số 5-7 Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là: **510.000.000.000 đồng** (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn).

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phạm Thị Thúy Hạnh	Thành viên
Vũ Thị Thu Hiền	Thành viên
Nguyễn Văn Hiền	Thành viên
Phạm Văn Tiến	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### Ban Kiểm soát

Nguyễn Thị Doan	Trưởng ban kiểm soát
Đinh Ngọc San	Thành viên
Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình chuyên tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 155/2015 TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và Đại diện pháp luật của Công ty,



**Phạm Thị Thủy Hạnh**  
**Tổng Giám đốc**

Bắc Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Số: 333/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Kính gửi: Các Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày 31/12/2017, nên chúng tôi không tham gia thực hiện chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 31/12/2017. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, nhưng các thủ tục này chưa giúp chúng tôi xác định tính hiện hữu giá trị của các khoản mục tiền mặt tại ngày 01/01/2018 là 16,232 tỷ đồng. Chúng tôi không đủ cơ sở để xác định các ảnh hưởng (nếu có) tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty thực hiện thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp số tiền là 5.436.391.400 đồng dẫn đến số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ là 494.217.400 đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm với giá trị tương ứng là 494.217.400 đồng trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại phần thuyết minh số 6.2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, theo Kết luận thanh tra về bảo vệ môi trường và khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 21/10/2016, Công ty chỉ được phép đi vào hoạt động trở lại sau khi được cấp phép Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán tại Hà Nội, Báo cáo kiểm toán độc lập số 08/2018/CNCPAHANOI/BCKT-BCTC ngày 28/03/2018 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản nợ được thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp 4,8 tỷ đồng dẫn đến số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ là 480 triệu đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế bị giảm đi tương ứng là 480 triệu đồng. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



Phan Huy Thăng  
 Tổng Giám đốc  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1  
 Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
 Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.  
 Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Ngọc Châm  
 Kiểm toán viên  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>121.204.165.536</b>	<b>241.573.390.368</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>296.501.279</b>	<b>16.232.052.288</b>
1. Tiền	111		296.501.279	16.232.052.288
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.746.151.157</b>	<b>114.474.505.823</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	133.896.648.352	119.869.231.252
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	3.482.500.000	1.536.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	13.973.847	14.204.095.723
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(93.646.971.042)	(21.135.321.152)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>75.800.578.814</b>	<b>109.487.606.112</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.05	75.800.578.814	109.487.606.112
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.360.934.286</b>	<b>1.379.226.145</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.340.532.872	1.358.824.731
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		20.401.414	20.401.414
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>448.162.750.623</b>	<b>402.905.811.065</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43.484.000.000</b>	<b>43.484.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	43.484.000.000	43.484.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>266.144.779.784</b>	<b>247.183.188.416</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	266.144.779.784	247.183.188.416
- Nguyên giá	222		316.878.669.988	317.562.853.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.733.890.204)	(70.379.664.590)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>58.057.523.952</b>	<b>58.057.523.952</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.08	58.057.523.952	58.057.523.952
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>75.200.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.07	75.200.000.000	50.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.276.446.887</b>	<b>4.181.098.697</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.09	5.276.446.887	4.181.098.697
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>569.366.916.159</b>	<b>644.479.201.433</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>140.422.414.924</b>	<b>132.693.195.102</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>78.952.739.805</b>	<b>87.223.788.524</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3.613.431.403	8.567.436.713
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	8.828.607.090	6.672.413.590
3. Phải trả người lao động	314		47.284.231	402.730.772
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	19.699.079.744	11.488.907.933
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	28.803.011.429	25.960.705.067
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	17.037.325.908	33.037.594.449
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		924.000.000	1.094.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.469.675.119</b>	<b>45.469.406.578</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	61.469.675.119	45.469.406.578
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>428.944.501.235</b>	<b>511.786.006.331</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>428.944.501.235</b>	<b>511.786.006.331</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	510.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(82.855.498.765)	(13.993.669)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(13.993.669)	27.321.508.363
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(82.841.505.096)	(27.335.502.032)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>569.366.916.159</b>	<b>644.479.201.433</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyết

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thúy Hạnh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

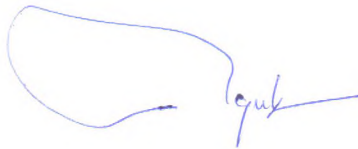
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.000.255.882	20.763.769.300
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.398.464.654)	(10.892.216.369)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.996.675.651)	(3.331.814.318)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31.404.147.000	1.020.680.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.944.868.084)	(89.010.182)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(7.935.605.507)</i>	<i>7.471.408.431</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		54.498	83.479
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(7.999.945.502)</i>	<i>83.479</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>(15.935.551.009)</i>	<i>7.471.491.910</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	16.232.052.288	8.760.560.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.01	296.501.279	16.232.052.288

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc


Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Quyết

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hạnh

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Lịch sử phát triển**

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 048157 ngày 15 tháng 02 năm 1996 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 06 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16/09/2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: (84-24). 37 635 999

E-mail: tapdoanacuong@gmail.com

Website: acuonggroup.vn

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty:** Phạm Thị Thúy Hạnh - Tổng Giám đốc.

### **Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là: **510.000.000.000 đồng** (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn).

### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 25 ngày 14/06/2018, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác và thu gom than non, than cứng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất than cốc; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ liên quan đến in; in ấn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đại lý, môi giới; Dịch vụ vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại;

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường	Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang	Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-004 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 26/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/03/2014;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân	Thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-005 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/11/2012;
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Hà Nội	Số 5-7 Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-006 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/11/2015;
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Hà Nội	Số 4 Lò Rèn, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-007 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/07/2017.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp được tổng hợp từ Báo cáo tài chính tổng hợp của văn phòng Công ty, Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân và Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

##### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

##### Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư 147/2016 ngày 13/10/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8-30
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4
Tài sản cố định hữu hình khác	17

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí đầu tư, mua sắm, chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí trích trước lãi tiền vay

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.  
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	288.091.537	16.215.821.860
Tiền gửi ngân hàng	8.409.742	16.230.428
<b>Cộng</b>	<b>296.501.279</b>	<b>16.232.052.288</b>

**5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội	52.683.743.350	52.683.743.350
Công ty TNHH Lê Giang	36.515.530.350	37.385.530.350
Công ty Cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Thăng Long	20.444.432.800	2.213.442.000
Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	21.135.321.152	21.135.321.152
Công ty cổ phần Diệp Bảo Anh	2.227.500.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Trần Xuân Sơn	275.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Thiên Phú Việt Nam	190.376.700	190.376.700
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Xây dựng Đồng Tâm	150.040.000	-
Công ty TNHH MTV Trọng điểm Bắc Giang	146.250.200	408.266.400
Công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp Xuất nhập khẩu Thảo Anh	128.453.800	128.453.800
Xí nghiệp khai thác chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu than kháng sản 116	-	5.724.097.500
<b>Cộng</b>	<b>133.896.648.352</b>	<b>119.869.231.252</b>

**Nợ xấu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội (i)	39.011.345.545	-
Công ty TNHH Lê Giang	33.500.304.345	-
Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	21.135.321.152	21.135.321.152
<b>Cộng</b>	<b>93.646.971.042</b>	<b>21.135.321.152</b>

(i) Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội (mã số thuế số 0101325212) là doanh nghiệp đang ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế kể từ ngày 20/12/2018.

**5.03 Trả trước người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư Vấn Tài Nguyên và Môi Trường Việt Nam	915.000.000	565.000.000
Nguyễn Văn Hiếu	750.000.000	-
Nguyễn Văn Khánh	723.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Bắc Giang	500.000.000	500.000.000
Nhóm chuyên gia tư vấn tài chính	594.500.000	471.500.000
<b>Cộng</b>	<b>3.482.500.000</b>	<b>1.536.500.000</b>

**5.04 Phải thu khác**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.973.847</b>	-	<b>14.204.095.723</b>	-
Tạm ứng (i)	-	-	14.200.000.000	-
Nguyễn Xuân Thanh	-	-	6.700.000.000	-
Phạm Thị Thúy Hạnh	-	-	7.500.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	13.973.847	-	4.095.723	-
<b>Dài hạn</b>	<b>43.484.000.000</b>	-	<b>43.484.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đô Linh (ii)	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.497.973.847</b>	-	<b>57.688.095.723</b>	-

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0644603665 ngày 12/04/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An chứng nhận dự án Nhà máy sản xuất và chế biến quặng vàng gốc tại khu Tà Sỏi, xã Châu Hạnh, huyện Châu Quỳ, tỉnh Nghệ An đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường và Công ty Cổ phần Đô Linh. Tổng vốn đầu tư dự án là 330,22 tỷ đồng. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được nhận bàn giao mặt bằng.

(i) Nghị quyết số 2812/2018/NQ-ACM ngày 28/12/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường v/v: Đầu tư bổ sung vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường thông qua việc mua lại số cổ phần của Ông Nguyễn Xuân Thanh và Bà Phạm Thị Thúy Hạnh. Hình thức thanh toán: bù trừ nợ tạm ứng.

**5.05 Hàng tồn kho**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	51.072.541.274	-	52.811.254.648	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.307.244.219	-	30.619.620.158	-
Thành phẩm	15.420.793.321	-	26.056.731.306	-
<b>Cộng</b>	<b>75.800.578.814</b>	-	<b>109.487.606.112</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

**5.06 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2018	85.795.043.005	63.060.964.475	6.675.401.697	59.806.000	161.971.637.829	317.562.853.006
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	684.183.018	-	-	684.183.018
Thanh lý	-	-	684.183.018	-	-	684.183.018
Số dư tại ngày 31/12/2018	85.795.043.005	63.060.964.475	5.991.218.679	59.806.000	161.971.637.829	316.878.669.988
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2018	12.449.090.816	25.999.716.631	4.067.367.651	59.806.000	27.803.683.492	70.379.664.590
Tăng trong kỳ	3.954.051.996	6.341.479.055	884.691.930	-	9.527.743.416	20.707.966.397
Khấu hao trong kỳ	3.954.051.996	6.341.479.055	884.691.930	-	9.527.743.416	20.707.966.397
Giảm trong kỳ	7.848.965.918	15.584.549.415	655.675.398	-	16.264.550.052	40.353.740.783
Giảm khác (iv)	7.848.965.918	15.584.549.415	655.675.398	-	16.264.550.052	40.353.740.783
Số dư tại ngày 31/12/2018	8.554.176.894	16.756.646.271	4.296.384.183	59.806.000	21.066.876.856	50.733.890.204
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2018	73.345.952.189	37.061.247.844	2.608.034.046	-	134.167.954.337	247.183.188.416
Tại ngày 31/12/2018	77.240.866.111	46.304.318.204	1.694.834.496	-	140.904.760.973	266.144.779.784

(iv) Tại ngày 31/12/2018, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm chi phí khấu hao đối với tài sản không sử dụng trong thời gian nhà máy tạm dừng hoạt động sản xuất theo Kết luận thanh tra về bảo vệ môi trường và khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường kê từ ngày 21/10/2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

#### 5.07 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường (v)	75.200.000.000	-	50.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>75.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>

(v) Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264114 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/05/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2017.

Công ty liên kết là công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**5.08 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng hệ thống kê, đập	8.820.993.284	8.820.993.284
Chi phí xây dựng "Nhà máy tuyển luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi công suất 500 tấn/ngày"	46.682.316.936	46.682.316.936
Chi phí dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy luyện đồng công suất 1000 tấn/năm	2.554.213.732	2.554.213.732
<b>Cộng</b>	<b>58.057.523.952</b>	<b>58.057.523.952</b>

Công ty đang hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, đáp ứng điều kiện đi vào hoạt động sản xuất trở lại theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**5.09 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí trả trước dài hạn	5.276.446.887	4.181.098.697
<b>Cộng</b>	<b>5.276.446.887</b>	<b>4.181.098.697</b>

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Ngọc Diệp	1.471.558.706	-	1.471.558.706	-
Công ty Cổ phần phát triển 117	523.815.435	-	523.815.435	-
Công ty Cổ Phần đại đồng Xuân	430.218.074	-	430.660.324	-
DNTN Dương Hải Anh	377.565.613	-	377.565.613	-
Công ty CP Đầu Tư Thương Mại và Phát Triển Dịch Vụ Nhất Long	368.242.000	-	368.242.000	-
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nặng Thành Công	142.242.900	-	142.242.900	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ an ninh Yên Việt	119.859.683	-	146.424.193	-
Công ty Cổ Phần EJC	179.928.992	-	149.753.542	-
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Việt- Nga	-	-	15.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sài Thành	-	-	3.761.500.000	-
DNTN Hà Duy	-	-	1.180.674.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.613.431.403</b>	<b>-</b>	<b>8.567.436.713</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2018
<b>Phải nộp</b>	<b>6.672.413.590</b>	<b>2.542.793.127</b>	<b>386.599.627</b>	<b>8.828.607.090</b>
Thuế giá trị gia tăng	4.871.834.016	1.974.506.358	159.381.827	6.686.958.547
Thuế bảo vệ môi trường	38.452.800	-	-	38.452.800
Thuế tài nguyên	266.331.070	50.770.000	69.320.200	247.780.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.209.742.082	-	-	1.209.742.082
Thuế thu nhập cá nhân	29.426.122	348.461.169	9.150.000	368.737.291
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí lệ phí, các khoản phải nộp khác	256.627.500	166.055.600	145.747.600	276.935.500
<b>Cộng</b>	<b>6.672.413.590</b>	<b>2.542.793.127</b>	<b>386.599.627</b>	<b>8.828.607.090</b>

**5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay	19.699.079.744	11.488.907.933
<b>Cộng</b>	<b>19.699.079.744</b>	<b>11.488.907.933</b>

**5.13 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bảo hiểm xã hội	261.786.406	261.786.406
Bảo hiểm y tế	39.565.398	39.565.398
Bảo hiểm thất nghiệp	19.353.263	19.353.263
Phải trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 (vi)	25.500.000.000	25.500.000.000
Nguyễn Văn Hiền	42.000.000	21.000.000
Phạm Văn Tiến	60.000.000	119.000.000
Phải trả tiền phạt và chậm nộp thuế	2.880.306.362	-
<b>Cộng</b>	<b>28.803.011.429</b>	<b>25.960.705.067</b>

(vi) Công văn số 10314/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 27/06/2018 thông báo việc thay đổi về thời gian chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là ngày 28/06/2019.

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn (1)</b>	<b>33.037.594.449</b>	-	<b>16.000.268.541</b>	<b>17.037.325.908</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	33.037.594.449	-	16.000.268.541	17.037.325.908
<b>Vay dài hạn (2)</b>	<b>45.469.406.578</b>	<b>16.000.268.541</b>	-	<b>61.469.675.119</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	45.469.406.578	16.000.268.541	-	61.469.675.119
<b>Tổng</b>	<b>78.507.001.027</b>	<b>16.000.268.541</b>	<b>16.000.268.541</b>	<b>78.507.001.027</b>

- (1) Theo Hợp đồng Hạn mức số 02/2013/HĐ ngày 02/12/2013, hạn mức vay 45 tỷ đồng và Hợp đồng số 01/2015/635737/HĐTD ngày 18/12/2015, hạn mức vay 15 tỷ đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu, khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng. Lãi suất thả nổi. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Theo Hợp đồng số 01/2014/635737/HĐTD ngày 27/06/2014, hạn mức vay 15,697 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ đắp vốn ngắn hạn đã đầu tư vào Dự án mở rộng nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi và truyền từ tại nhà máy tuyển và luyện đồng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Tài sản thế chấp: Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu. Lãi suất thả nổi. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- (2) Theo Hợp đồng số 01/2009/2635737/HĐTDTH ngày 24/11/2009, hạn mức vay 30 tỷ đồng. Mục đích vay: Thực hiện dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng, công suất 1.550 tấn/năm giai đoạn II - Hòa luyện. Tài sản thế chấp: Thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng phát sinh từ doanh thu theo các hợp đồng kinh tế. Lãi suất thả nổi. Thời hạn vay 120 tháng. Hợp đồng số 03/2014/2635737/HĐTD ngày 30/06/2014 sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/2009/2635737/HĐTDTH ngày 24/11/2009 v/v điều chỉnh thời gian cho vay từ ngày nhận món vay đầu tiên đến ngày 31/12/2019.

Hợp đồng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 25/03/2013, hạn mức vay 3,7 tỷ đồng. Mục đích vay: mua 5 xe ô tô tải Volvo. Lãi suất thả nổi. Thời hạn vay 48 tháng.

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm 2017</b>				
Số dư tại 01/01/2017	510.000.000.000	1.800.000.000	27.321.508.363	539.121.508.363
Tăng trong năm	-	-	(27.335.502.032)	(27.335.502.032)
Lỗi trong năm	-	-	(27.335.502.032)	(27.335.502.032)
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>(13.993.669)</b>	<b>511.786.006.331</b>
<b>Năm 2018</b>				
Số dư 01/01/2018	510.000.000.000	1.800.000.000	(13.993.669)	511.786.006.331
Tăng trong năm	-	-	(82.841.505.096)	(82.841.505.096)
Lỗi trong năm	-	-	(82.841.505.096)	(82.841.505.096)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>(82.855.498.765)</b>	<b>428.944.501.235</b>

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn góp của các cổ đông	510.000.000.000	510.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>510.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	510.000.000.000	510.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	510.000.000.000	510.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.000.000	51.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>51.000.000</b>	<b>51.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.087.166.000	16.854.958.000
<b>Cộng</b>	<b>19.087.166.000</b>	<b>16.854.958.000</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	12.857.479.872	13.126.800.709
<b>Cộng</b>	<b>12.857.479.872</b>	<b>13.126.800.709</b>

**5.18 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi tiền vay	8.210.171.811	7.736.390.897
<b>Cộng</b>	<b>8.210.171.811</b>	<b>7.736.390.897</b>

**5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.463.025.307	1.432.736.808
Chi phí khấu hao TSCĐ	414.197.531	515.750.695
Thuế, phí, lệ phí	11.000.400	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.813.600	279.068.822
Chi phí khác bằng tiền	3.074.067.241	21.137.586.226
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	72.511.649.890	-
<b>Cộng</b>	<b>77.707.753.969</b>	<b>23.370.142.551</b>

**5.20 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>97.994.486</b>	<b>65.680.000</b>
Thu nhập khác	97.994.486	65.680.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>3.251.314.428</b>	<b>22.889.354</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	-	22.889.354
Chi phí phạt	3.251.314.428	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>(3.153.319.942)</b>	<b>42.790.646</b>

5.21 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(82.841.505.096)	(27.335.502.032)
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	1.448.646.857	18.889.355
Thu nhập tính thuế	(81.392.858.239)	(27.316.612.677)
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	775.622.208	466.275.667
Chi phí nhân công	2.256.545.424	803.286.794
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.707.966.397	7.266.481.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.505.311	1.061.132.705
Chi phí bằng tiền khác	769.855.153	3.000.000
Cộng	25.534.494.493	9.600.177.026

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

a. Thông tin chung về các bên liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ
Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT
Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc
Phạm Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đô Linh	Góp vốn đầu tư

b. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tạm ứng		
Nguyễn Xuân Thanh	7.485.385	1.438.849
Phạm Thị Thúy Hạnh	-	1.563.316

c. Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	774.030.769	504.000.000

**6.2 Hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2018 là (82,855) tỷ đồng. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 là âm, nợ tín dụng xấu và Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán. Công ty chỉ được phép đi vào hoạt động trở lại sau khi được cấp phép Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo Kết luận thanh tra về bảo vệ môi trường và khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 21/10/2016.

Để khắc phục tình trạng này, Ban Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Công ty đang hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, đáp ứng điều kiện đi vào hoạt động sản xuất trở lại theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Thu hồi công nợ phải thu để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của các cổ đông lớn Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**6.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán tại Hà Nội, Báo cáo kiểm toán độc lập số 08/2018/CNCPAHANOI/BCKT-BCTC phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2018.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyết

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thúy Hạnh